TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LONG XUYÊN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số**: 21**/2017/DS-ST
Ngày 07/7/2017
V/v tranh chấp: "*Hợp đồng mua bán thức ăn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trịnh Ngọc Thúy**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Đoàn Kim Thạnh**
2. Ông **Phạm Thành Ngôn**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phan Thanh Thúy –** Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên *tham gia phiên tòa:* Bà **Nguyễn Mỹ Duyên -** Kiểm sát viên

Trong các ngày 06 và ngày 07 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 227/2016/TLST–DS ngày 01 tháng 11 năm 2016, về việc tranh chấp: *"Hợp đồng mua bán thức ăn"*.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2017/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 5 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông B, sinh năm 1964 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp M, xã H, thành phố L, tỉnh An Giang.

+ Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông **L,** sinh năm 1980. Thường trú tại: Ấp A, xã H, huyện M, tỉnh An Giang. Địa chỉ liên lạc: đường Đ, khóm A, phường T, thành phố L, tỉnh An Giang đại diện theo giấy ủy quyền ngày 10/11/2016. (Có mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin vắng mặt khi tuyên án).

2. Bị đơn: Ông S, sinh năm 1977

Địa chỉ: Ấp M, xã H, thành phố L, tỉnh An Giang. (Có mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà T, sinh năm 1976

Địa chỉ: Ấp M, xã H, thành phố L, tỉnh An Giang. (Có mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin vắng mặt khi tuyên án).

3.2. Ông V, sinh năm 1979

Địa chỉ: Ấp M, xã H, thành phố L, tỉnh An Giang. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

- *Ông L đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông B trình bày:* Vào năm 2012, ông S có mua thiếu thức ăn thủy sản tại cửa hàng Đại lý thức ăn thủy sản B với số tiền 256.607.000 *(Hai trăm năm mươi sáu triệu sáu trăm lẻ bảy nghìn đồng)*. Ông S hứa mỗi tháng sẽ trả cho ông B 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*) đến khi dứt nợ. Hai bên thỏa thuận nếu ông S trả nợ sẽ tính với lãi suất là 1%/tháng. Từ ngày 31/5/2015 đến ngày 18/7/2016, ông S chỉ trả được cho ông B số tiền 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*). Ông B nhiều lần yêu cầu ông S cùng vợ là bà T trả dứt số tiền còn nợ nhưng vợ chồng ông S chỉ hứa hẹn không trả. Tại phiên tòa, ông đại diện cho ông B yêu cầu Tòa án giải quyết:

+ Buộc ông S và bà T có trách nhiệm liên đới trả cho ông B số tiền vốn còn nợ và không yêu cầu tính lãi. Do, ông S đã trả 10 triệu đồng cho ông B nên đồng ý khấu trừ vào số tiền vốn còn nợ lại nên xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 10 triệu đồng ông S đã trả. Tổng cộng số tiền ông B yêu cầu ông S và bà T có trách nhiệm trả là 246.607.000 đồng (*Hai trăm bốn mươi sáu triệu sáu trăm lẻ bảy nghìn đồng*).

- *Phần trình bày của bị đơn ông S:* Ông là người trung gian đứng ra giao dịch mua bán với ông B và ký tên tại biên nhận ngày 31/05/2015, nên trước đây ông có yêu cầu tòa án xem xét đây là việc thỏa thuận mua bán giữa ông B với ông V do đó ông V sẽ chịu trách nhiệm trả cho ông B số tiền còn nợ lại. Tuy nhiên, tại phiên tòa ông xác định do ông đã ký tên vào biên nhận nợ tiền mua bán thức ăn ngày 31/5/2015 nên ông đồng ý chịu trách nhiệm trả số tiền 246.607.000 đồng (*Hai trăm bốn mươi sáu triệu sáu trăm lẻ bảy nghìn đồng*) cho ông B. Đối với việc thỏa thuận giữa ông với ông V thì ông không có yêu cầu Tòa án giải quyết trường hợp ông có yêu cầu ông V trả lại số tiền mà ông chịu trách nhiệm trả cho ông B sẽ được giải quyết bằng một vụ kiện khác không liên quan trong vụ án này.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà T có ý kiến trình bày:* Việc, ông S là chồng bà có thỏa thuận mua bán với ông B thì bản thân bà không biết và cũng không nghe ông S nói với bà về việc này. Tại phiên tòa, ông S chồng bà xác nhận có ký tên thỏa thuận chịu trách nhiệm trả số tiền 246.607.000 đồng (*Hai trăm bốn mươi sáu triệu sáu trăm lẻ bảy nghìn đồng*) cho ông B, tuy bà không tham gia việc thỏa thuận mua bán này nhưng ông S đồng ý chịu trách nhiệm trả nợ cho ông B là vợ chồng bà cũng đồng ý cùng chịu trách nhiệm trả nợ với ông S đối với số tiền này.

- *Phần trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông V vắng mặt tại phiên tòa nhưng ông V có ý kiến trình bày tại tờ tường trình ngày 10/4/2017 và tại biên bản hòa giải ngày 14/4/2017 thể hiện nội dung:* Hợp đồng mua bán thức ăn thủy sản do ông nhờ anh ruột của ông là ông S liên lạc mua thức ăn qua

điện thoại, ông có nhận mua thức ăn chăn nuôi cá tra giống. Do, trong quá trình nuôi cá bị chết nhiều, giá thấp nên bị thua lỗ, khi nhận thức ăn ông có đưa tiền cho ông S trả cho ông B 2 lần là 50.000.000 đồng và đến khi bán cá ông có đưa cho ông S trả cho ông B là 100.000.000 đồng (Tổng cộng 150.000.000 đồng có ghi trong hóa đơn). Sau đợt nuôi cá ông đi làm ăn xa ở Phú Quốc nên có nhờ ông S thỏa thuận ký biên nhận nợ là 256.607.000 đồng *(Hai trăm năm mươi sáu triệu sáu trăm lẻ bảy nghìn đồng),* thực tế còn nợ vốn thức ăn là 178.962.000 đồng

Đối với việc mua bán thức ăn thủy sản với ông B có các hóa đơn như sau:

1/ Ngày 01/01/2012, mua thức ăn loại 0,6 ly số lượng 500kg, giá 14.800đ; loại 0,8 ly số lượng 500kg, giá 14.600đ, tổng số tiền 14.700.000 đồng.

2/ Ngày 29/11/2012, mua thức ăn loại 1 ly số lượng 2.000kg, giá 14.200đ, tổng số tiền 28.400.000 đồng.

3/ Ngày 05/12/2012, mua thức ăn loại 1 ly số lượng 2.000kg, giá 14.600đ; loại 1,5 ly số lượng 3.000kg, giá 13.800đ, tổng số tiền 70.600.000 đồng, đã trả 30.000.000 đồng.

4/ Ngày 20/12/2012, mua thức ăn loại 1,5 ly số lượng 3.250kg, giá 13.800đ; tổng số tiền 44.850.000 đồng, đã trả 20.000.000 đồng

5/ Ngày 02/01/2013, mua thức ăn loại 2 ly số lượng 2.760kg, giá 13.200đ; loại 2 ly số lượng 25kg, giá 13.200đ, tổng số tiền 31.482.000 đồng.

6/ Ngày 24/02/2013, mua thức ăn loại 2 ly số lượng 2.050kg, giá 14.000đ; tổng số tiền 28.700.000 đồng.

7/ Ngày 07/03/2013, mua thức ăn loại 1 ly số lượng 1.025kg, giá 14.200đ; loại 1,5 ly số lượng 1.000kg, giá 14.300đ, loại 2 ly số lượng 1.425kg, giá 13.000đ, tổng số tiền 46.480.000 đồng.

8/ Ngày 19/4/2013, mua thức ăn loại 2 ly số lượng 2.500 kg, giá 14.300đ; tổng số tiền 35.750.000 đồng.

9/ Ngày 25/7/2013, mua thức ăn loại 1,5 ly số lượng 2.000 kg, giá 14.000đ; tổng số tiền 28.000.000 đồng.

Ngày 14/8/2013, đã trả 100.000.000 đồng *(Một trăm triệu đồng)*. Tổng tiền mua thức ăn là 228.962.000 đồng, ông đã trả cho ông B số tiền 150.000.000 đồng, còn thiếu lại là 178.962.000 đồng là tiền vốn, tiền lãi là 77.645.000 đồng. Do, ông S đã trả cho ông B được 10 triệu đồng và ông B cũng đồng ý khấu trừ vào số tiền tại tờ biên nhận ngày 31/5/2015 nên ông sẽ chịu trách nhiệm trả tiền cho ông B là 246.607.000 đồng.

Tại phiên tòa, giữa ông L là người đại diện theo ủy quyền của ông B và bị đơn ông S thống nhất trình bày số tiền trong biên nhận ngày 31/5/2015 trong đó có tiền vốn là 178.962.000 đồng và tiền lãi là 77.645.000 đồng nhưng do hai bên thống nhất chốt lại với nhau số tiền còn nợ nên giữa ông B với ông S ghi tiền vốn lãi gộp chung thành số tiền 256.607.000 đồng không tách riêng vốn, lãi

nhưng ông S trả được 10 triệu đồng nên số tiền hai bên thống nhất còn nợ lại là 246.607.000 đồng.

Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 10 triệu đồng ông S đã trả và không yêu cầu tính lãi đối với ông S, bà T trên số tiền vốn 246.607.000 đồng; Bị đơn đồng ý chịu trách nhiệm trả nợ cho ông B, còn đối với số tiền ông S chịu trách nhiệm trả cho ông B thì giữa ông S và ông V không có yêu cầu giải quyết trong vụ án này nếu có phát sinh tranh chấp ông S sẽ yêu cầu giải quyết bằng một vụ kiện khác; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà T đồng ý cùng chịu trách nhiệm liên đới với ông S trả số tiền mua thức ăn còn nợ cho ông B; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông V vắng mặt không tham dự phiên tòa.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà T cùng chịu trách nhiệm liên đới trả nợ cho ông B số tiền vốn mua thức ăn còn nợ là 246.607.000 đồng *(Hai trăm bốn mươi sáu triệu sáu trăm lẻ bảy nghìn đồng)* và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 10.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi do ông L đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút lại yêu cầu tại phiên tòa theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Ông B ủy quyền cho ông L đại diện theo giấy ủy quyền ngày 10/11/2016 được Văn phòng Công chứng NQ chứng nhận theo số công chứng 570, quyển số 01 TP/CC-SCC/HĐGD, thủ tục ủy quyền hợp lệ phù hợp theo quy định của pháp luật nên được Tòa án chấp nhận.

Ông V mặc dù được tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật nhưng ông V vẫn không tham dự phiên tòa nên vụ án được tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, ông L là người đại diện theo ủy quyền của ông B rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 10 triệu đồng trong số tiền vốn trước đây yêu cầu là 256.607.000 đồng do ông S có trả được 10 triệu đồng nên đồng ý khấu trừ vào số tiền còn nợ lại và không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử

căn cứ vào khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự để đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông B đối với số tiền 10.000.000 đồng và tiền lãi.

[2] *Về thẩm quyền:* Ông B khởi kiện đối với ông S, bà T yêu cầu ông S và bà T cùng chịu trách nhiệm liên đới trả tiền vốn mua thức ăn còn nợ lại 246.607.000 đồng *(Hai trăm bốn mươi sáu triệu sáu trăm lẻ bảy nghìn đồng)* đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên.

[3] Về nội dung vụ án:

Nhận thấy, chứng cứ do nguyên đơn ông B cung cấp bản chính của tờ biên nhận ngày 31/5/2016 thể hiện số tiền 256.607.000 đồng, không có ghi thời gian trả tiền. Tại phiên tòa, ông L đại diện theo ủy quyền của ông B và ông S thống nhất xác định theo biên nhận ngày 31/5/2015 đây là tiền mua thức ăn tại của hàng của ông B từ năm 2012 cho đến năm 2015, giữa hai bên có viết nhiều biên nhận sau đó mới gộp lại chung thành một biên nhận, ông L xác định các biên nhận bản chính sau khi viết lại biên nhận ngày 31/5/2015 thì đã trả lại cho ông S giữ hơn 9 tờ biên nhận nhưng do ông B đã trả hết cho ông S giữ nên ông B không nhớ chính xác là bao nhiêu tờ biên nhận và ông cũng không lưu giữ bản photo các biên nhận này, còn ông S xác định chỉ có 9 tờ biên nhận do ông B giao cho ông và ông đã cung cấp cho Tòa án. Đối với các biên nhận giữa ông L và ông S không thống nhất là 9 tờ hay hơn 9 tờ biên nhận nhưng các ông không có tranh chấp và không yêu cầu tòa án làm rõ đối với các tờ biên nhận trước đây mà giữa ông L và ông S thống nhất số tiền tại biên nhận ngày 31/5/2015 thì trong đó tiền vốn là 178.962.000 đồng và tiền lãi là 77.645.000 đồng, xác định ông S có trả được 10 triệu đồng. Vì vậy, các bên thống nhất số tiền còn nợ lại là 246.607.000 đồng và ông S có ký tên vào biên nhận nợ.

Đối với số tiền tại biên nhận ngày 31/5/2015 do các đương sự tại phiên tòa thống nhất không yêu cầu tính lãi và ông S cũng đồng ý trả số tiền 246.607.000 đồng cho ông B nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự để xác định số tiền ông B khởi kiện yêu cầu trả 246.607.000 đồng đây là tiền nợ giữa hai bên thỏa thuận việc mua bán thức ăn cho cá và thừa nhận có lập biên nhận nợ chốt lại số tiền sau cùng bằng biên nhận ngày 31/5/2015, việc thỏa thuận mua bán thức ăn là thật và thỏa thuận của hai bên xuất phát từ việc tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật nên được xác định đây là hợp đồng dân sự mà cụ thể là hợp đồng mua bán thức ăn được điều chỉnh tại Điều 428 của Bộ luật dân sự năm 2005.

Hội đồng xét xử xét thấy, tại phiên tòa ông L là người đại diện theo ủy quyền của ông B và ông S, bà T xác định khi ông Sử thực hiện việc thỏa thuận với ông B để mua thức ăn thì bà T vợ của ông S cũng như ông V không có tham gia. Do, ông S xác định có đứng ra thỏa thuận mua bán thức ăn cũng như có ký tên vào biên nhận nợ nên ông S đồng ý chịu trách nhiệm trả tiền cho ông B và

bà T cũng thống nhất với ý kiến trình bày của ông S. Mặc dù, bà T không trực tiếp tham gia ký tên vào biên nhận nợ, bản thân bà T cho rằng không biết và cũng không nghe ông S nói với bà về việc nợ tiền nhưng tại phiên tòa bà T cũng đồng ý cùng với ông S chịu trách nhiệm liên đới trả số tiền còn nợ cho ông B. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở để chấp nhận nên ông S và bà T phải cùng chịu trách nhiệm liên đới trả số tiền mua thức ăn còn nợ lại là 246.607.000 đồng cho ông Béo.

Đối với ý kiến trình bày của ông V cho rằng hợp đồng mua bán thức ăn thủy sản do ông nhờ anh ruột là ông S liên lạc mua thức ăn qua điện thoại, ông có nhận mua thức ăn chăn nuôi cá tra giống. Do, trong quá trình nuôi cá bị chết nhiều, giá thấp nên bị thua lỗ, khi nhận thức ăn ông có đưa tiền cho ông S trả cho ông B 2 lần là 50.000.000 đồng và đến khi bán cá ông có đưa cho ông S trả cho ông B là 100.000.000 đồng (Tổng cộng 150.000.000 đồng có ghi trong hóa đơn). Sau đợt nuôi cá ông đi làm ăn xa ở Phú Quốc nên có nhờ ông S thỏa thuận ký biên nhận nợ là 256.607.000 đồng *(Hai trăm năm mươi sáu triệu sáu trăm lẻ bảy nghìn đồng),* thực tế còn nợ vốn thức ăn là 178.962.000 đồng, tiền lãi là 77.645.000 đồng. Do, ông S đã trả cho ông B được 10 triệu đồng và ông B cũng đồng ý khấu trừ vào số tiền tại tờ biên nhận ngày 31/5/2015 nên ông sẽ chịu trách nhiệm trả tiền cho ông B là 246.607.000 đồng. Tại phiên tòa, ông L xác định số tiền mua bán thức ăn là giao dịch giữa ông B với ông S không hề có sự tham gia của ông V, còn bị đơn ông S có ý kiến trình bày đối với số tiền mua thức ăn thực ra đây là ông thỏa thuận với ông B mua dùm cho em ruột của ông là ông V đang nuôi cá, ông là người trực tiếp đứng ra giao dịch mua bán với ông B và ông tự nguyện thỏa thuận ký tên tại biên nhận ngày 31/05/2015 nên ông đồng ý chịu trách nhiệm trả tiền cho ông B số tiền 246.607.000 đồng. Trường hợp ông có yêu cầu ông V trả lại số tiền mà ông ký nhận nợ với ông B thì khi phát sinh tranh chấp sẽ được giải quyết thành một vụ án khác theo quy định của pháp luật, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này. Nhận thấy, các đương sự không có yêu cầu độc lập để giải quyết trong cùng vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét đến, nếu có tranh chấp khác phát sinh sẽ được giải quyết thành một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, với nội dung thỏa thuận tại biên nhận vay tiền vào ngày 31/5/2016 nên yêu cầu khởi kiện của ông B tại thời điểm ông S vi phạm hợp đồng sẽ được chỉnh theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 nhưng đến thời điểm xét xử thì Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực nhưng căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 688 Điều khoản chuyển tiếp của Bộ luật dân sự năm 2015 để áp dụng các quy định tại Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết đối với tranh chấp hợp đồng mua bán thức ăn giữa ông B với ông S. Vì vậy, Hội đồng xét xử, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là buộc ông S, bà T có trách nhiệm liên đới trả lại tiền vốn 246.607.000 đồng *(Hai trăm bốn mươi sáu triệu sáu trăm lẻ bảy nghìn đồng)* theo quy định tại Điều 438 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

**** Về án phí dân sự sơ thẩm:***

Yêu cầu khởi kiện của ông B được chấp nhận một phần nên ông không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm, ông B được nhận lại tiền tạm ứng án phí dân sự là 7.063.275 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Long Xuyên.

Ông S, bà T cùng phải nộp tiền án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự và khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009. Số tiền án phí dân sự sơ thẩm ông S, bà T cùng phải nộp là 12.330.350 đồng (*Mười hai triệu ba trăm ba mươi nghìn ba trăm năm mươi đồng*) nhưng ông S, bà T có đơn xin miễn giảm án phí ngày 05/7/2017 có xác nhận của chính quyền địa phương ngày 05/7/2017 nên được xem xét giảm cho ông S, bà T một phần tiền án phí là 6.165.175 đồng (*Sáu triệu một trăm sáu mươi lăm nghìn một trăm bảy mươi lăm đồng*). Số tiền án phí dân sự sơ thẩm còn lại ông S, bà T phải nộp là 6.165.175 đồng (*Sáu triệu một trăm sáu mươi lăm nghìn một trăm bảy mươi lăm đồng*) tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Long Xuyên.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

*** Căn cứ vào:**

+ Điều 427; Điều 428; Điều 431; Điều 438 và Điều 461 Bộ luật Dân sự năm 2005;

+ Khoản 2 Điều 468, điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015;

+ Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 92, Điều 143, khoản 1 Điều 146, khoản 1 Điều 147, Điều 150, Điều 186, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 232, Điều 240, khoản 2 Điều 244, khoản 1 Điều 271, Điều 273, Điều 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

+ Khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009;

+ Khoản 1 Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông B đối với ông S, bà T về việc tranh chấp hợp đồng mua bán thức ăn:

Buộc ông S, bà T cùng chịu trách nhiệm liên đới trả cho ông B số tiền vốn mua thức ăn còn nợ là 246.607.000 đồng *(Hai trăm bốn mươi sáu triệu sáu trăm lẻ bảy nghìn đồng)*

2/- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông B đối với số tiền 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) và yêu cầu không tính lãi suất.

3/- *Về án phí dân sự sơ thẩm:*

Ông B được nhận lại số tiền 7.063.275 đồng (*Bảy triệu không trăm sáu mươi ba nghìn hai trăm bảy mươi lăm đồng*) tiền tạm ứng án phí ông B đã nộp theo biên lai thu số 0010373 ngày 31 tháng 10 năm 2016 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Long Xuyên.

Ông S, bà T cùng phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 6.165.175 đồng (*Sáu triệu một trăm sáu mươi lăm nghìn một trăm bảy mươi lăm đồng*) tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Long Xuyên.

- Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền.

Ông S được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng, ông B, bà T, ông V được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư ngụ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự " Để thi hành";
- VKSND.TPLX;
- TAND.An Giang;
- Lưu: hồ sơ;VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trịnh Ngọc Thúy